TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2025/HSPT
Ngày: 10-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 627/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Thị Lan A về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2024/HSST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2025/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Vũ Thị Lan A**,** sinh ngày 02 tháng 8 năm 1986, tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố A N, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hùng M, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị Lan H, sinh năm 1964; có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 19/10/2020 bị UBND xã H xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi nhận chuyển nhượng lô đất 07-N13C nhưng đến ngày 14/9/2020 mới nộp hồ sơ đăng ký biến động, chậm 30 ngày. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Lan A:*

1. Ông Vy Quí V – Luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Công ty L, Tầng C, Lô N Khu đô thị A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2**. Ông** Nguyễn An B – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn An B và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số E A, C, chung cư E, T, Đ, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt

**** Người bị hại:*** Ông Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1981, nơi ĐKTT: Số A, ngõ F H, phường V, quận B, Tp Hà Nội; nơi ở hiện tại: H R, phường I, TP ., tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bùi Thị Lan H, sinh năm 1964, nơi cư trú: Tổ A, khu phố A N, Phường H, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Vũ Hùng M, sinh năm 1960, nơi cư trú: Tổ A, khu phố A N, Phường H, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1981, nơi cư trú: A N, phường H, TP ., tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Huỳnh Thị Anh T1, sinh năm 1981, nơi cư trú: KP. Lương Văn C, phường E, TP ., tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Lan A và anh Nguyễn Ngọc A1 có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng cuối năm 2019, Vũ Thị Lan A và anh Ngọc A1 mỗi người cùng góp số tiền 575.000.000 đồng mua thửa đất tại Lô G, N, diện tích 187,5 m^2 thuộc khu tái định cư P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên của chị Nguyễn Thị Thu H1 với số tiền 1.150.000.000 đồng. Cả hai thống nhất Vũ Thị Lan A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện các giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 10/12/2020, Vũ Thị Lan A hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên của Vũ Thị Lan A, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho Vũ Thị Lan A quản lý. Khoảng tháng 01/2021, Vũ Thị Lan A có ý định kết hôn, để phân định tài sản trước thời kỳ hôn nhân, ngày 13/01/2021, Vũ Thị Lan A chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất này cho cha mẹ của Vũ Thị Lan A là ông Vũ Hùng M và bà Bùi Thị Lan H bằng hình thức tặng cho, không được sự đồng ý của anh Ngọc A1. Ngày 29/01/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho cha mẹ của Vũ Thị Lan A. Cùng ngày, anh Ngọc A1 yêu cầu gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nên Vũ Thị Lan A đã gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vũ Thị Lan A qua tin nhắn Zalo cho anh Ngọc A1. Khoảng tháng 5/2021, do cần vốn để kinh doanh, Vũ Thị Lan A thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này vay của chị Huỳnh Thị Anh T1 số tiền 750.000.000 đồng. Do không có tiền trả cho chị T1 nên Vũ Thị Lan A thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất này cho chị T1 và chị Phạm Thị Ngọc T, với số tiền 1.300.000.000 đồng nhưng không thoả thuận, thông báo với anh Ngọc A1. Ngày 26/01/2022, cha mẹ của Vũ Thị Lan A ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất này cho chị T. Sau khi nhận tiền, Vũ Thị Lan A không trả tiền cho anh Ngọc A1 mà sử dụng trả nợ cá nhân nên anh Ngọc A1 làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra.

Kết luận định giá số 45 ngày 14/8/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Phú Yên kết luận giá trị của thửa đất trên tại thời điểm tháng 01/2022 có giá trị 1.301.831.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2024/HSST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Lan A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng Khoản 4 Điều 175; Điểm b, n, v Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Lan A 07 (B1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2024, bị cáo Vũ Thị Lan A có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm vì hành vi của bị cáo là không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị Lan A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo Vũ Thị Lan A: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét huỷ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo hướng bị cáo Vũ Thị Lan A không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; đồng thời xem xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình để quyết định mức hình phạt phù hợp nhất cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356

Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Lan A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định và đảm bảo quy định tố tụng nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Theo nội dung của bản án sơ thẩm thì năm 2019, Vũ Thị Lan A và anh Nguyễn Ngọc A1 cùng góp tiền mua thửa đất tại Lô G, N, diện tích 187,5 m^2 thuộc khu tái định cư P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ngày 26/01/2022, Vũ Thị Lan A đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng của thửa đất này cho người khác mà không thông báo và không được sự đồng ý của anh Ngọc A1; bị cáo Lan A đã chiếm đoạt của anh Ngọc A1 số tiền 650.915.500 đồng. Bị cáo Lan A thừa nhận về hành vi, nội dung diễn biến vụ án như trên nhưng cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xét thấy tại các tài liệu chứng cứ của vụ án thể hiện:

[2.1] Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 22/9/2023 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P (BL 114), bị cáo Vũ Thị Lan A khai: *"...vào khoảng tháng 01/2022, do cần tiền để trả nợ cho cá nhân tôi mà tôi đã tự ý bán thửa đất tại Lô N7... cho người khác, thửa đất này tôi và anh Nguyễn Ngọc A1 góp vốn tỷ lệ 50/50 cùng mua nhưng tôi đã bán thửa đất đó mà không thông báo cho anh Ngọc A1 biết và cũng không được anh Ngọc A1 đồng ý, đến nay tôi chưa trả đủ số tiền anh Ngọc A1 góp vốn cùng tôi...*

... Khoảng giữa năm 2019, tôi có thông tin về thửa đất tại Lô G, N, diện tích 187,5m^2 ..., thửa đất này người đứng tên được cấp GCNQSDĐ là chị Nguyễn Thị Thu H1... cần bán, tôi thỏa thuận với chị

H1 thống nhất giá bán thửa đất này là 1.150.000.000 đồng. Đến khoảng cuối năm 2019, tôi có gặp anh Ngọc A1, tôi có đề nghị cùng góp vốn mua thửa đất này rồi sau đó tầm 3 – 4 tháng sẽ bán hưởng lợi nhuận, anh Ngọc A1 thống nhất đồng ý góp vón, tôi và anh Ngọc A1 góp vốn mỗi người 575.000.000 đồng. Thống nhất tôi là người đứng ra giao dịch ký hợp đồng mua bán với chị H1; anh Ngọc A1 đưa tiền cho tôi bằng cách chuyển qua tài khoản ngân hàng của tôi 02 lần, trong đó tôi có mượn của anh Ngọc A1 số tiền 20.000.000 đồng, sau đó vài ngày tôi đã trả nợ đủ lại cho anh Ngọc A1. Đến tháng 01/2020, tôi và chị H1 đã

ký xong hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất tại Lô 7..., số tiền thanh toán đủ là 1.150.000.000 đồng, thanh toán xong bằng tiền mặt. Sau khi mua thửa đất thì tôi cầm GCNQSDĐ đưa cho anh Ngọc A1 tại một quán kinh doanh nước giải khát, bia rượu tại địa chỉ F N, phường G, thành phố T để anh Ngọc A1 giữ. Tôi và anh Ngọc A1 thống nhất với nhau là cả hai đều tìm người mua nếu được giá thì bán, chia đôi. Đến khoảng tháng 10/2020, anh Ngọc A1 hẹn tôi đến địa chỉ 60 Nguyễn Văn C1 đưa lại cho tôi GCNQSDĐ trên cho tôi nói rằng tôi đi làm thủ tục sang tên chứ để quá hạn sẽ bị phạt theo quy định; tôi có hỏi rõ GCNQSDD mới này đứng tên tôi và anh Ngọc A1 hay sao, anh Ngọc A1 trả lời là chỉ đứng tên mình tôi để thuận lợi cho việc chuyển nhượng mua bán đất sau này. Sau đó, tôi đã làm các thủ tục sang tên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ, ngày 10/12/2020, tôi đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ xác nhận việc chuyển nhượng theo quy định...Đến ngày 13/01/2021, tôi làm thủ tục chuyển nhượng QSD thửa đất trên cho cha mẹ tôi là Vũ Hùng M – Bùi Thị Lan H với hình thức tặng cho và đưa GCNQSDĐ cho cha mẹ tôi giữ... Sau khi anh Ngọc A1 yêu cầu tôi có chụp ảnh GCNQSDD trên đứng tên tôi gửi qua ứng dụng Zalo cho anh Ngọc A1... Khoảng tháng 5/2021, tôi cần vốn để kinh doanh nên tôi có liên hệ và đề nghị chị Huỳnh Thị Anh T1... hỏi vay số tiền 750.000.000đ.. tôi có viết giấy mượn tiền có chữ ký của cha mẹ tôi bảo lãnh, tài sản để thế chấp cho chị T1 để vay tiền là GCNQSDĐ đối với thửa đất Lô 7, N13-C, diện tích 187,5m^2... lúc này đã đứng tên cha mẹ tôi là Vũ Hùng M – Bùi Thị Lan H... việc kinh doanh thua lỗ, tôi không có tiền trả nợ cho chị T1. Sau nhiều lần chị T1 đòi nợ, yêu cầu tôi trả tiền, chị T1 yêu cầu tôi bán thửa đất mà tôi đang thế chấp cho chị T1 để vay tiền. Thực sự tôi không muốn bán thửa đất này nhưng do chị T1 cứ thúc ép tôi mãi nên tôi đồng ý bán để cấn trừ nợ, khoảng đầu năm 2022, tôi và chị T1 thống nhất là để chị Phạm Thị Ngọc T – nhân viên Ngân hàng A2 Chi nhánh P là bạn với chị T1 đứng ra ký hợp đồng chuyển nhượng với cha mẹ tôi theo giấy tờ quy định thực tế là mua thửa đất này có cả chị T1 và chị T, thống nhất bán với giá là 1.300.000.000đ... cấn trừ hết nợ với chị T1 và dùng để trả nợ các khoản nợ khác của bản thân tôi và gia đình tôi... Tất cả việc chuyển nhượng QSDĐ cho cha mẹ tôi và bán thửa đất trên cho chị T1 và chị T tôi đều không nói cho anh Ngọc A1 biết vì nếu biết anh Ngọc A1 sẽ không đồng ý nhưng do chị T1 đòi tiền nhiều lần quá, đến tại nhà tôi trong lúc tôi vừa mới sinh con được hơn 02 tháng làm cho tôi thấy rất áp lực... nên tôi mới tự ý bán thửa đất trên. Sau này, anh Ngọc A1 có tới nhà tôi để gặp tôi hỏi về góp vốn xử lý thửa đất mua chung... tôi không biết giải thích như thế nào nên tôi không nói chuyện gì và cũng không trả lời gì với anh Ngọc A1...

...Về nguồn gốc của thửa đất khi tôi chuyển nhượng QSDĐ cho cha mẹ tôi thì tôi không nói cho cha mẹ tôi biết thửa đất này tôi góp vốn cùng mua với anh Ngọc A1 mà nói rằng đây là thửa đất tôi dành dụm mua được. Khi tôi chuyển nhượng QSDĐ này cho cha mẹ tôi với hình thức tặng cho, tôi không nói gì với anh Ngọc A1, anh Ngọc A1 không biết gì về việc này, nếu tôi nói ra như vậy thì chắc chắn anh Ngọc A1 sẽ không đồng ý...

... Anh Ngọc A1 không biết việc tôi bán thửa đất này cho chị T1 và chị T, tôi không nói cho anh Ngọc A1 biết vì nếu biết thì anh Ngọc A1 sẽ không đồng ý vì đây là trả nợ cho riêng tôi...tôi không thông báo những việc đó cho anh Ngọc A1 biết vì nếu biết chắc chắn anh Ngọc A1 sẽ không đồng ý việc tôi làm...

... Tôi bán thửa đất góp vốn mua chung với anh Ngọc A1 để trả nợ cho bản thân tôi, tôi không thông báo việc này cho anh Ngọc A1 biết, tôi biết đây là việc làm sai của bản thân tôi. Việc này vi phạm thỏa thuận giữa tôi và anh Ngọc A1. Tôi xin chịu trách nhiệm về việc này và cũng có trách nhiệm phải trả lại tiền cho anh Ngọc A1 đã góp vốn trước đây..."

Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 02/11/2023 của CQ CSĐT Công an tỉnh P (BL 118-122), bị cáo Lan A trình bày có nội dung tương tự như đã trình bày nêu trên.

Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 18/3/2024 (BL 1145) bị cáo Lan A trình bày: *"...Tôi và anh Ngọc A1 góp vốn mua chung thửa đất này vào cuối năm 2019, tôi góp 575.000.000đ và anh Ngọc A1 góp 575.000.000đ...Trước và trong, sau khi chuyển nhượng thửa đất thuộc khu tái định cư P thì tôi không thông báo hay trao đổi gì cho anh Ngọc A1 về việc chuyển nhượng này..."*

[2.2] Tại các Biên bản ghi lời khai của bị hại Nguyễn Ngọc A1 đều thống nhất trình bày: Thực tế giữa Ngọc A1 và Lan A không có thống nhất thỏa thuận nào về việc chuyển nhượng phần góp vốn đối với thửa đất số: Lô G, N13-C, tờ bản đồ số: Bản đồ QHPL chi tiết Khu tái định cư P giai đoạn 2, thuộc khu phố P, phường H, thị xã Đ. Ngay từ lúc đầu việc góp vốn thì ý định của Ngọc A1 là khi nào bán thì chia đôi…", "… Lan A cũng không có viết giấy nhận nợ nào cho Ngọc A1, giữa Ngọc A1 và Lan A không có thống nhất thỏa thuận nào về việc chuyển nhượng phần vốn góp.

[2.3] Bị cáo Lan A cho rằng bị cáo có viết 01 bản giấy nhận nợ số tiền 700.000.000đ giao cho bị hại Ngọc A1 giữ trước khi chuyển nhượng thửa đất mà không có ý kiến của bị hại. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành tất cả các biện pháp điều tra theo quy định, ghi lời khai, đối chất, đã làm rõ không có sự việc bị cáo viết giấy nhận nợ số tiền 700.000.000đ trước khi chuyển nhượng thửa đất mà không có ý kiến của bị hại. Bị hại Ngọc A1 xác định nội

dung này bị cáo trình bày là không có thật và cam đoan không lưu giữ giấy nhận nợ số tiền 700.000.000đ. Bị cáo không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh, do đó ý kiến trình bày của bị cáo Lan A cho rằng bị cáo có viết 01 bản giấy nhận nợ số tiền 700.000.000đ giao cho bị hại Ngọc A1 giữ và bị hại Ngọc A1 đã biết, thống nhất việc sau đó bị cáo tự chuyển nhượng cho người khác quyền sử dụng thửa đất Lô 7, N13-C mà bị cáo, bị hại cùng góp vốn mua chung là không có cơ sở.

Như vậy, căn cứ vào hành vi khách quan của bị cáo, lời khai của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tài liệu dữ liệu điện tử tin nhắn qua zalo giữa bị cáo và bị hại trong các điện thoại di động của bị cáo, bị hại đã được cơ quan điều tra thu giữ, trích xuất đã được bị cáo, bị hại xác nhận theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định; kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Năm 2019, Vũ Thị Lan A và anh Nguyễn Ngọc A1 cùng góp tiền mua thửa đất tại Lô G, N, diện tích 187,5 m^2 thuộc khu tái định cư P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Hai bên thống nhất khi nào bán được đất thì mỗi bên được nhận ½ số tiền bán đất. Tuy nhiên sau khi được đứng tên trên GCNQSDĐ đối với thửa đất này bị cáo đã tự ý sang tên cho cha mẹ mình, sau đó bị cáo đã thế chấp thửa đất cho người khác (thông qua cha mẹ mình) để vay tiền và dùng vào việc cá nhân là đã vi phạm thỏa thuận của hai bên là đã có dấu hiệu xâm phạm quyền và lợi ích của anh Ngọc A1 vì sang tên và sử dụng tài sản không đúng thỏa thuận và không được sự nhất trí của anh Ngọc A1. Tiếp đó, đến ngày 26/01/2022, Vũ Thị Lan A đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho người khác mà không thông báo và không được sự đồng ý của anh Ngọc A1. Sau khi nhận được số tiền chuyển nhượng đất bị cáo cũng không trả cho bị hại phần tiền của bị hại được hưởng trong đó mà sử dụng toàn bộ số tiền đã nhận chuyển nhượng để chi tiêu, phục vụ nhu cầu cá nhân. Sau đó mặc dù nhiều lần bị hại yêu cầu bị cáo trả tiền nhưng bị cáo đều không thực hiện việc trả tiền. Như vậy bị cáo Lan A đã có hành vi chiếm đoạt của anh Ngọc A1 số tiền 650.915.500 đồng .

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của bị cáo Vũ Thị Lan A và người bào chữa cho bị cáo cho rằng mặc dù bị cáo Vũ Thị Lan A đã thực hiện hành vi như trên nhưng không có mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại nên không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Thị Lan A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu (ngày 19/10/2020

bị UBND xã H xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi nhận chuyển nhượng lô đất 07-N13C nhưng đến ngày 14/9/2020 mới nộp hồ sơ đăng ký biến động, chậm 30 ngày) nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, xét bị cáo khi phạm tội là phụ nữ có thai, đã tự nguyện bồi thường một phần cho người bị hại; trong quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều bằng khen, giấy khen vì có thành tích xuất sắc nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, v, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 7 năm tù là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng với bị cáo là có căn cứ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xuất trình tài liệu về việc ông bà ngoại bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến tuy nhiên tình tiết này đã được cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, xét thấy không có thêm tình tiết nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Vũ Thị Lan A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Lan A, giữ nguyên Quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2024/HSST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

1. Áp dụng Khoản 4 Điều 175; Điểm b, n, v Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Lan A 07 (B1) năm tù, về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bị cáo Vũ Thị Lan A phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2024/HSST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hợp